

Số: 140 /QĐ-ĐHNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đạt trình độ tiếng Anh chuẩn đầu ra cho sinh viên đại học chính quy chương trình tiếng Anh bán phần (CLC) và chương trình đào tạo đặc biệt tháng 1 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-ĐHNH-HĐT, ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành “Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-ĐHNH-HĐT Ngày 05/04/2024 về việc sắp xếp tổ chức lại, đổi tên một số đơn vị thuộc Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-ĐHNH, ngày 28/02/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1070/QĐ-ĐHNH, ngày 24/04/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và triển khai thực hiện chương trình đào tạo chất lượng cao, tiếng Anh bán phần, chương trình đào tạo đặc biệt trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông báo số 229/TB-ĐHNH, ngày 18/03/2020 về việc áp dụng chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho các chương trình đại học chính quy chương trình chất lượng cao;

Xét chứng chỉ Anh văn sinh viên nộp và đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận đạt trình độ tiếng Anh chuẩn đầu ra theo chương trình đào tạo cho 120 sinh viên đại học chính quy chương trình tiếng Anh bán phần chất lượng cao và CTĐT Đặc biệt.

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Các đơn vị phối hợp thực hiện theo Quyết định số 1075/QĐ-ĐHNH, ngày 08/05/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy chế quản lý điểm trên Hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3: để thực hiện;
- Phòng KT&ĐBCL;
- Lưu VP, Ban CLC.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. NGUYỄN ĐỨC TRUNG



**DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
TIẾNG ANH BÁN PHẦN (CLC) VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐẶC BIỆT ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT
TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA ĐỢT THÁNG 1 NĂM 2025**



(Ban hành kèm theo Quyết định: 340 /QĐ-ĐHNH, ngày 18 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
1	050611230020	Trần Thị Thúy	An	30/07/2005	HQ11-BAF12	4/6			
2	050608200241	Trần Mậu Tuấn	Anh	01/02/2002	HQ8-GE11	4/6			
3	050608200228	Hoàng Quỳnh	Anh	20/08/2002	HQ8-GE17		7.0		
4	050609210052	Đình Bảo	Anh	23/02/2003	HQ9-GE02	4/6			
5	050609211838	Phùng Thị Ngọc	Ánh	21/11/2003	HQ9-GE04		6.0		
6	050609211843	Lê Huỳnh	Bắc	05/06/2003	HQ9-GE19	4/6			
7	030805170030	Ngô Phúc	Công	14/02/1999	HQ5-GE01	4/6			
8	050609210185	Phan Thảo	Đang	19/11/2003	HQ9-GE19	4/6			
9	050609211882	Nguyễn Hồng	Đào	14/07/2003	HQ9-GE13	4/6			
10	050608200030	Nguyễn Mạnh	Đạt	04/02/2002	HQ8-GE04	4/6			
11	050611230191	Lê Thị	Diễm	18/04/2005	HQ11-BAF15	4/6			
12	050608200032	Trần Thanh Ngọc	Diệp	07/12/2002	HQ8-GE03	4/6			
13	050609211867	Lê Thị Kim	Dung	10/02/2003	HQ9-GE19	4/6			
14	050610220896	Nguyễn Thị Trà	Giang	26/04/2004	HQ10-GE11	4/6			
15	050608200309	Huỳnh Trúc	Giang	03/10/2002	HQ8-GE17	4/6			
16	050112240496	Lê Võ Nguyên	Giáp	18/07/2006	HQ12-BAF17		5.5		
17	050609211931	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	17/01/2003	HQ9-GE20	4/6			
18	050608200341	Nguyễn Gia	Hân	30/03/2002	HQ8-GE11	4/6			
19	050607190150	Nguyễn Anh	Hiền	19/12/2001	HQ7-GE03	4/6			
20	050610220931	Võ Phạm Xuân	Hiền	21/01/2004	HQ10-GE27	4/6			
21	050611230370	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	08/03/2005	HQ11-ACC01	4/6			
22	050609211948	Nguyễn Nhật	Hoàng	24/04/2003	HQ9-GE21		7.5		
23	050608200064	Lê Quang	Hưng	19/05/2002	HQ8-GE09	4/6			
24	050609211972	Nguyễn Hồ	Hưng	20/02/2003	HQ9-GE03		5.5		
25	050610220204	Nguyễn Đình	Huy	22/01/2004	HQ10-GE06		6.0		
26	050607190169	Giao Gia	Huy	31/01/2001	HQ7-GE18	4/6			
27	050609211964	Lê Khánh	Huyền	12/12/2003	HQ9-GE15	4/6			
28	050611230473	Võ Hoàng	Khải	21/03/2005	HQ11-BAF04	4/6			



STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
29	050609211984	Ngô Huy	Khánh	12/07/2003	HQ9-GE21	4/6			
30	050607190202	Man Thành	Khoa	02/09/2001	HQ7-GE02		5.5		
31	050611230509	Đinh Bá	Khôi	22/03/2005	HQ11-BAF04	4/6			
32	050610221010	Hoàng Thị Thúy	Kiều	12/02/2004	HQ10-GE08	4/6			
33	050608200080	Huỳnh Phương	Lam	26/09/2002	HQ8-GE17		7.0		
34	050608200403	Trần Ngọc Duy	Lam	24/06/2002	HQ8-GE17	4/6			
35	050609210637	Đinh Hồ Khánh	Linh	31/10/2003	HQ9-GE03		6.0		
36	050611230550	Đinh Thị Thùy	Linh	21/10/2005	HQ11-BAF21	4/6			
37	050606180186	Vũ Linh	Linh	20/09/2000	HQ6-GE07	4/6			
38	050611230570	Nguyễn Hà Lệ	Linh	12/03/2005	HQ11-BAF14		7.5		
39	050608200084	Lê Thị Mỹ	Linh	11/06/2002	HQ8-GE09	4/6			
40	050611230612	Trương Hoàng	Long	04/04/2004	HQ11-BAF04	4/6			
41	050609210706	Trần Thị Trúc	Ly	01/11/2003	HQ9-GE15	4/6			
42	050610220297	Lê Đức	Mẫn	20/03/2004	HQ10-GE16		7.0		
43	050609212044	Nguyễn Thị Hồng	Minh	04/05/2003	HQ9-GE22	4/6			
44	050609210754	Võ Hoàng	Minh	29/04/2003	HQ9-GE10	4/6			
45	050611230658	Nguyễn Thy	Minh	20/01/2005	HQ11-BAF11	4/6			
46	030805170388	Trần Bảo Hà	My	13/12/1999	HQ5-GE02	4/6			
47	050608200094	Phan Hạnh Huyền	My	22/10/2002	HQ8-GE10	4/6			
48	050611230684	Trần Phạm Thụy Trà	My	07/07/2005	HQ11-BAF07	4/6			
49	050611230666	Đặng Nguyễn Kiều	My	02/01/2005	HQ11-MAG02		5.5		
50	050611230691	Huỳnh Kim	Mỹ	02/02/2005	HQ11-BAF16	4/6			
51	050611230694	Lê Thị Ly	Na	22/02/2005	HQ11-BAF18	4/6			
52	050608200457	Trần Huỳnh Hoàng	Nam	22/11/2000	HQ8-GE11	4/6			
53	050608200097	Đào Thúy	Nga	03/06/2002	HQ8-GE06	4/6			
54	030136200804	Dương Hỷ	Ngân	018/9/2002	HQ8-GE08	4/6			
55	050608200100	Đặng Thị Kim	Ngân	06/05/2002	HQ8-GE16	4/6			
56	050609212055	Nguyễn Hồ Kim	Ngân	08/12/2003	HQ9-GE23		6.5		
57	050609210857	Nguyễn Thụy Khánh	Ngân	11/01/2003	HQ9-GE05	4/6			
58	050611230738	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	17/06/2005	HQ11-BAF12	4/6			
59	050608200107	Trần Thị Kim	Ngân	15/08/2002	HQ8-GE17	4/6			
60	050610220344	Đào Nguyễn Phương	Nghi	03/09/2004	HQ10-GE11	4/6			
61	050609210863	Võ Mỹ Mẫn	Nghi	27/05/2002	HQ9-GE06	4/6			

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
62	050607190304	Bùi Trương Hoài	Ngọc	17/10/2001	HQ7-GE09	4/6			
63	050606180247	Lê Hoàng Hồng	Ngọc	21/11/2000	HQ6-GE05	4/6			
64	050608200490	Nguyễn Khánh	Ngọc	24/12/2002	HQ8-GE10	4/6			
65	050606180265	Trương Thanh	Nguyên	12/07/2000	HQ6-GE10			72	
66	050608200502	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	17/10/2002	HQ8-GE10	4/6			
67	050609211012	Nguyễn Lương Phươn Nhi		24/05/2003	HQ9-GE24	4/6			
68	050609210987	Trần Võ Hoàng	Nhi	17/11/2003	HQ9-GE23	4/6			
69	050609210999	Võ Phạm Ái	Nhi	31/08/2003	HQ9-GE24	4/6			
70	050611230901	Trần Yên	Nhi	24/02/2005	HQ11-ACC05	4/6			
71	050607190349	Nguyễn Thị Phương	Nhi	24/07/2001	HQ7-GE03	4/6			
72	050608200547	Phan Quỳnh	Như	28/01/2002	HQ8-GE14		6.5		
73	050610221220	Phan Trần Kiều	Như	23/11/2004	HQ10-GE11	4/6			
74	050609211076	Lê Thị	Nhung	31/05/2003	HQ9-GE24	4/6			
75	050606180286	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	19/11/2000	HQ6-GE05	4/6			
76	050611230989	Nguyễn Đoàn Thiên	Phú	07/05/2005	HQ11-ACC02		5.5		
77	050609211114	Nguyễn Triệu Tấn	Phú	17/07/2003	HQ9-GE24	4/6			
78	050608200576	Trần Nhã	Phương	29/07/2002	HQ8-GE03		5.5		
79	050609211163	Lê Việt	Phương	11/03/2003	HQ9-GE24	4/6			
80	050609211136	Nhâm Thu	Phương	12/10/2003	HQ9-GE08	4/6			
81	050610220507	Trà Ngọc Diễm	Quỳnh	29/01/2004	HQ10-GE02		6.5		
82	050608200593	Dương Trần Xuân	Quỳnh	14/08/2002	HQ8-GE06		5.5		
83	050608200602	Phạm Diễm	Quỳnh	01/06/2002	HQ8-GE16	4/6			
84	050607190440	Hồ Đức	Tài	05/10/2001	HQ7-GE04	4/6			
85	050608200611	Nguyễn Minh Phúc	Tâm	10/12/2002	HQ8-GE20				820+300
86	050611231114	Nguyễn Thị	Thắm	20/10/2005	HQ11-BAF20		5.5		
87	050607190470	Châu Bùi Phương	Thảo	27/02/2001	HQ7-GE09	4/6			
88	050609212198	Trần Thị Phương	Thảo	18/08/2003	HQ9-GE26	4/6			
89	050607190471	La Thụy Phương	Thảo	25/04/2001	HQ7-GE03	4/6			
90	050609211329	Nguyễn Thanh	Thảo	12/07/2003	HQ9-GE25		5.5		
91	050611231173	Nguyễn Thị Nhật	Thi	08/02/2005	HQ11-BAF05	4/6			
92	050611231184	Phan Thụy Kim	Thoa	12/11/2005	HQ11-BAF18	4/6			
93	050609212228	Đỗ Minh	Thư	25/11/2003	HQ9-GE26	4/6			
94	050611231220	Nguyễn Minh	Thư	16/07/2005	HQ11-ACC01		6.0		

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEFL IBT	TOEIC
95	050607190518	Võ Anh	Thư	20/05/2001	HQ7-GE17			75	
96	050608200696	Nguyễn Ngọc Thanh	Thư	03/01/2002	HQ8-GE01	4/6			
97	050608200678	Nguyễn Thị Diễm	Thùy	21/03/2002	HQ8-GE15	4/6			
98	050611231303	Đặng Phúc	Toàn	26/05/2005	HQ11-ACC01	4/6			
99	050608200167	Ngô Thị Mỹ	Trâm	08/11/2002	HQ8-GE19	4/6			
100	050609211544	Nguyễn Thị Tuyết	Trân	02/01/2003	HQ9-GE27	4/6			
101	050609212282	Lê Ngọc Huyền	Trân	07/11/2003	HQ9-GE17	4/6			
102	050611231365	Phạm Đoàn Quỳnh	Trân	12/10/2005	HQ11-BAF02	4/6			
103	050611231366	Phan Thị Huyền	Trân	08/03/2005	HQ11-BAF06	4/6			
104	050610220628	Đặng Thùy	Trang	29/12/2003	HQ10-GE18	4/6			
105	050610221436	Trần Nguyễn Uyên	Trang	25/08/2004	HQ10-GE08		7.0		
106	050607190546	Hà Bảo	Trang	07/03/2001	HQ7-GE15	4/6			
107	050609212292	La Thanh	Trúc	25/11/2003	HQ9-GE27	4/6			
108	050609212298	Trần Thị Thanh	Trúc	04/11/2003	HQ9-GE27	4/6			
109	050610220708	Tạ Mai	Uyên	08/12/2004	HQ10-GE12		5.5		
110	050607190640	Nguyễn Tường	Viên	15/12/2001	HQ7-GE11	4/6			
111	050607190651	Lương Nhật	Vy	15/03/2001	HQ7-GE16	4/6			
112	050608200786	Phạm Thiên Kim	Vy	09/11/2002	HQ8-GE13	4/6			
113	050607190648	Hoàng Nguyễn Thảo	Vy	28/10/2001	HQ7-GE03	4/6			
114	050607190675	Võ Tường	Vy	14/11/2001	HQ7-GE16	4/6			
115	050609212336	Lê Tường	Vy	29/03/2003	HQ9-GE28	4/6			
116	050608200198	Huỳnh Lê Yến	Vy	03/09/2002	HQ8-GE18	4/6			
117	050609211741	Trần Yến	Vy	04/04/2003	HQ9-GE12			81	
118	050610220761	Nguyễn Thị Kim	Xuân	18/01/2003	HQ10-GE10		6.0		
119	050608200797	Vòng Chen	Yao	23/06/2002	HQ8-GE18	4/6			
120	050609211800	Hồ Thị Bảo	Yến	07/12/2002	HQ9-GE11				905+340

Tổng số: 120 sinh viên